

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

HOÀNG TRỌNG ANH TUẤN

QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI
KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng
Mã số : 60.34.20

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng – Năm 2013

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. NGUYỄN HÒA NHÂN

Phản biện 1: PGS. TS. Võ Thị Thúy Anh

Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại Học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 09 năm 2013.

Có thể tìm hiểu Luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hội nhập ngân hàng phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay đã tác động đến hoạt động tín dụng. Bên cạnh đó, đi đôi với sự phát triển, trong lĩnh vực NH thường phải đối diện là RRTD. Ngân hàng Á Châu là một NH bán lẻ hàng đầu và cũng là một NH có sự cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực tín dụng, tuy nhiên tín dụng càng phát triển nhanh dẫn đến rủi ro cũng rất lớn, đặc biệt trong hoạt động cho vay đối với KHCN.

Từ những vấn đề trên, tôi đã chọn đề tài : *“Quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu chi nhánh Đà Nẵng”* làm luận văn tốt nghiệp cho mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

+ Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản trị RRTD trong hoạt động cho vay đối với KHCN của NHTM.

+ Phân tích, đánh giá thực trạng quản trị RRTD KHCN tại NH TMCP Á Châu CN Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, quan trọng là rút ra những điều còn hạn chế trong công tác quản trị RRTD đối với KHCN.

+ Nghiên cứu, đề xuất những giải pháp hoàn thiện công tác quản trị RRTD đối với KHCN tại NH Á Châu CN Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu là toàn bộ các vấn đề liên quan đến RRTD đối với KHCN tại NH Á Châu – CN Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ *Nội dung*: Trong hoạt động NH có nhiều rủi ro nhưng phạm vi nội dung của đề tài chủ yếu nghiên cứu về RRTD mà không đề cập đến các loại rủi ro khác

+ *Không gian*: Đề tài tập trung nghiên cứu RRTD đối với KHCN của NH Á Châu - CN Đà Nẵng

+ *Thời gian*: Đề tài phân tích dựa trên dữ liệu của NH Á Châu - CN Đà Nẵng trong giai đoạn năm 2008 – 2012

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên nền tảng phương pháp luận chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đề tài sử dụng các giải pháp điều tra, thu thập, xử lý dữ liệu, so sánh phân tích để rút ra quyết định đề xuất.

5. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận thì luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân của ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân trong hoạt động tín dụng tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – chi nhánh Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – chi nhánh Đà Nẵng.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài quản trị RRTD này, tác giả tham khảo nhiều tài liệu, công trình nghiên cứu có liên quan như: Các báo cáo thường niên, quy trình, văn bản, chế độ chính sách do ACB ban hành... cũng là nguồn tài liệu quan trọng giúp tác giả tập hợp số liệu viết đề tài.

* Một số luận văn có cùng đề tài nghiên cứu như:

- *Đề tài: Quản trị RRTD tại chi nhánh ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Bình Định của Nguyễn Anh Dũng, 2012.*

- Đề tài: *Quản trị RRTD tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn tỉnh Bình Định của Mai Xuân Thịnh, 2012.*

- Đề tài: *Giải pháp quản trị RRTD đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn khu vực thành phố Hồ Chí Minh của Nguyễn Hồng Châu, 2008.*

- Đề tài: *Nhận diện và giảm thiểu rủi ro tín dụng tại ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Lâm Đồng của Phan Thị Minh Thu, 2007.*

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. TỔNG QUAN VỀ RỦI RO VÀ RỦI RO TÍN DỤNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1.1. Khái niệm về rủi ro và các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng

a. Khái niệm về rủi ro

b. Các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng

c. Những nguyên nhân rủi ro trong hoạt động của ngân hàng

1.1.2. Khái niệm về rủi ro tín dụng và các loại rủi ro tín dụng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng

a. Khái niệm rủi ro tín dụng

b. Phân loại rủi ro tín dụng

** Rủi ro do nguyên nhân khách quan*

Do môi trường kinh tế không ổn định

Do môi trường pháp lý chưa thuận lợi

Nguyên nhân khách quan khác:

** Rủi ro do nguyên nhân chủ quan*

Từ phía khách hàng vay

Từ phía NH cho vay

c. Hậu quả của rủi ro tín dụng đối với ngân hàng thương mại

Rủi ro làm suy giảm uy tín của NH

Rủi ro làm cho khả năng thanh toán của NH giảm sút

Rủi ro đưa đến kết quả là lợi nhuận suy giảm

Rủi ro có thể dẫn tới phá sản

1.2. QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.2.1. Đặc điểm khách hàng cá nhân ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân

Cho vay KHCN có những đặc điểm riêng thể hiện sự khác biệt với các loại hình cho vay khác và có ảnh hưởng đến công tác quản trị RRTD như sau:

- *Đối tượng cho vay*: là cá nhân và các hộ gia đình có thể là những người buôn bán nhỏ, công nhân viên chức, công nhân...

- *Quy mô khoản vay*: hầu hết các khoản cho vay KHCN có quy mô nhỏ nhưng số lượng khoản vay lớn do đối tượng của cho vay là các cá nhân và các hộ gia đình với số lượng nhiều và nhu cầu tiêu dùng rất đa dạng.

Vì vậy, cho vay KHCN có mức độ rủi ro lớn và được coi là tài sản rủi ro nhất trong danh mục tài sản của NH và *nguyên nhân rủi ro đa dạng hơn các loại hình tín dụng khác*.

- *Mục đích vay*: nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng (mua nhà, xây nhà, mua xe, thẻ tín dụng, du học...) hoặc SXKD nhỏ

Do đó, khả năng nhận biết rủi ro đối với KHCN khó hơn: So với DN và việc tổ chức thu thập thông tin về cá nhân khó hơn rất nhiều, với mục đích sử dụng vốn đa dạng nên khó có thể kiểm soát được mục đích sử dụng vốn thật sự.

- *Tài sản đảm bảo*: Một đặc điểm khác biệt của loại hình tín

dụng KHCN là phần lớn tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay hoặc vay không có tài sản bảo đảm.

- *Nguồn trả nợ*: thường được lấy từ lương, KD và các khoản thu nhập định kỳ hàng tháng khác hoặc thu nhập từ cá nhân khác.

Trước những biến động lớn về tình hình kinh tế, việc làm KHCN cũng có khả năng chống đỡ kém hơn so với DN.

- *Chi phí quản lý khoản vay cá nhân* lớn do NH thường phải tốn nhiều thời gian và nhân lực để điều tra, thu thập các thông tin người vay trước khi đưa ra quyết định cho vay. Do đó chi phí tính trên một đơn vị tiền tệ cho vay cá nhân thường cao hơn so với việc cho vay theo loại hình khác.

- *Nguy cơ xảy ra rủi ro lớn hơn*: Vì tiềm lực tài chính của một cá nhân, một gia đình là yếu hơn so với DN, tổ chức cũng như mối quan hệ, các nguồn huy động vốn hạn chế hơn nên với cùng một tác động bất lợi các cá nhân và hộ gia đình sẽ gặp khó khăn hơn.

1.2.2. Quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân

a. *Khái niệm và ý nghĩa của quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân*

- *Khái niệm*

- *Ý nghĩa*

b. *Nội dung về công tác quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân*

** Nhận diện rủi ro tín dụng*

Trước khi khoản vay phát sinh, việc nhận diện RRTD bằng cách: NH cần phải phân loại, phân nhóm KH theo từng đối tượng KHCN cụ thể để định hướng chính sách cho vay riêng theo từng nhóm đối tượng KH nhằm quyết định đồng ý hoặc từ chối cấp tín dụng. Sau khi khoản vay phát sinh NVTĐ luôn phải theo dõi, giám sát khoản vay để nhận diện rủi ro thông qua các dấu hiệu cảnh báo

sau:

- Nhóm các dấu hiệu phát sinh rủi ro từ phía KH
- + Trì hoãn hoặc gây khó khăn, trở ngại đối với NH trong quá trình kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình sử dụng vốn vay
- + Đề nghị gia hạn, điều chỉnh kỳ hạn nợ nhiều lần
- + Chậm thanh toán các khoản nợ gốc và lãi khi đến hạn.
- + Mức độ vay thường xuyên gia tăng
- + Tài sản đảm bảo không đủ tiêu chuẩn
- + Có chênh lệch lớn giữa doanh thu hay dòng tiền thực tế so với mức dự kiến khi KH đề nghị cấp tín dụng.

- Nhóm dấu hiệu xuất phát từ phía NH
- + Sự đánh giá và phân loại KHCN không chính xác
- + Cấp tín dụng dựa trên các cam kết không chắc chắn
- + CSTD quá cứng nhắc hoặc lỏng lẻo
- + Có khuynh hướng cạnh tranh thái quá

* *Đo lường rủi ro tín dụng*: để đo lường RRTD, NH cần thu thập số liệu và phân tích đánh giá mức độ rủi ro dựa trên các tiêu chuẩn được đặt ra, Có hai xu hướng cơ bản để phân tích, đo lường RRTD là dùng mô hình định tính và mô hình định lượng.

- *Mô hình định tính*

Khi phân tích định tính, hiện nay có rất nhiều mô hình có thể được áp dụng nhưng một trong những mô hình phổ biến được sử dụng hiện nay là *mô hình chất lượng dựa trên yếu tố 6 C*

- *Mô hình định lượng*

+ *Mô hình điểm số Z*

+ *Mô hình điểm số tín dụng tiêu dùng*

+ *Hệ thống xếp hạng nội bộ*

* *Kiểm soát rủi ro tín dụng*: Kiểm soát RRTD KHCN là sử dụng các biện pháp, các kỹ thuật, các công cụ, chiến lược, các

chương trình hoạt động để ngăn ngừa, né tránh hoặc giảm thiểu những tổn thất. Các kỹ thuật kiểm soát RRTD được sử dụng gồm:

Né tránh rủi ro

Ngăn ngừa rủi ro, đa dạng hóa rủi ro

- Chính sách thiết lập giới hạn tín dụng
- Chính sách đa dạng hóa rủi ro

Giảm thiểu tổn thất

- Cho vay có tài sản đảm bảo
- Trích lập dự phòng RRTD:
- Mua bảo hiểm tín dụng:

** Tài trợ rủi ro tín dụng*

Là việc sử dụng những kỹ thuật, công cụ để tài trợ cho chi phí của rủi ro và tổn thất. Trong quản trị RRTD đối với KHCN, các NH thường dùng phổ biến một số công cụ như:

- Nguồn dự phòng rủi ro tín dụng
- Nguồn tiền từ bảo hiểm:
- Nguồn tiền từ việc khởi kiện, xử lý tài sản đảm bảo:

c. Các tiêu chí đánh giá kết quả quản trị rủi ro tín dụng

khách hàng cá nhân

- Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Tỷ lệ nợ xấu = $\frac{\text{Dư nợ xấu}}{\text{tổng dư nợ cho vay}} \times 100\%$

- Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD

Tỷ lệ trích lập dự phòng

= $\frac{\text{Số tiền trích lập dự phòng}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$

- Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng

Tỷ lệ xóa nợ rỗng

= $\frac{\text{Dư nợ xóa nợ rỗng}}{\text{Tổng dư nợ cho vay}} \times$

100%

- Trạng thái biến đổi cơ cấu các nhóm nợ

d. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân

- *Những nhân tố thuộc về khách hàng*
- *Những nhân tố thuộc về ngân hàng*

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Về cơ bản Chương 1 trình bày một cách khái quát cơ sở lý luận về rủi ro và RRTD, đề cập đến cách phân loại, nguyên nhân của RRTD cũng như mức độ ảnh hưởng của RRTD đến hoạt động KD của NH. Chương 1 đề cập chi tiết đến quá trình quản trị RRTD qua 4 bước cơ bản: Các phương pháp nhận diện RRTD – Các phương pháp đo lường đánh giá RRTD – Các phương pháp kiểm soát RRTD – Các công cụ tài trợ RRTD. Sau cùng tác giả đi sâu vào thống kê, phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình quản trị RRTD của NHTM. Những vấn đề trên sẽ là cơ sở cho việc thực hiện các mục tiêu nghiên cứu thực trạng và công tác quản trị RRTD đối với KHCCN tại NH TMCP Á Châu – CN Đà Nẵng trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TRONG HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU- CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1. SƠ LƯỢC VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

2.1.2. Bộ máy tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận

a. Bộ máy tổ chức

b. Chức năng, nhiệm vụ của chi nhánh và các bộ phận

2.1.3. Tình hình hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng từ 2008 đến 2012

a. Hoạt động huy động vốn

b. Hoạt động cho vay tại ACB ĐN

c. Dịch vụ và các hoạt động khác

d. Kết quả kinh doanh của ACB Đà Nẵng

2.1.4. Bối cảnh kinh doanh của ACB chi nhánh Đà Nẵng và những tác động đến công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại chi nhánh.

a. Bối cảnh kinh doanh của chi nhánh

Sự ảnh hưởng của suy thoái kinh tế và sự gia tăng mạnh số lượng các NH trên địa bàn TP. Đà Nẵng cũng làm vốn huy động của CN bị hạn chế

Hoạt động đầu tư tài chính tiềm ẩn nhiều rủi ro khi thị trường chứng khoán, các thị trường tài sản chưa khởi sắc

b. Tác động của bối cảnh kinh doanh đến công tác quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân tại chi nhánh

Khả năng mất thanh khoản luôn được cảnh báo trong thời gian này

Sự ảnh hưởng từ việc NHNN yêu cầu các nhà băng phải phải kiểm soát tỷ trọng dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực không khuyến khích làm ảnh hưởng đến công tác quản trị RRTD nói chung và công tác nhận diện, đo lường, kiểm soát RRTD.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.2.1. Khái quát chính sách quản trị rủi ro tín dụng và công tác tổ chức quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại Ngân hàng Á Châu

a. Chính sách quản trị rủi ro của ngân hàng Á Châu

Theo quan điểm của ACB về RRTD, RRTD của KH phải được quản lý theo nguyên tắc toàn diện, liên tục ở tất cả các giai đoạn có khả năng phát sinh RRTD, thông qua các quy định cụ thể của từng loại nghiệp vụ tín dụng.

b. Tổ chức quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng Á Châu

Tổ chức vận hành công tác quản trị RRTD đối với KHCN tại ACB được phân công cho hầu hết các bộ phận, từ bộ phận tiếp nhận hồ sơ cho vay, bộ phận thẩm định trực tiếp đến bộ phận kiểm soát trước và sau khi cho vay.

2.2.2. Tình hình thực hiện các nội dung quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ACB Đà Nẵng.

a. Công tác nhận diện rủi ro tín dụng

Quá trình nhận diện RRTD đối với KHCN tại ACB ĐN

trước khi cho vay được thực hiện qua hoạt động phân nhóm KH. Kết quả phân nhóm KHCN trong nội bộ ACB được phân thành 4 nhóm: Nhóm cấp tín dụng bình thường; nhóm hạn chế cấp tín dụng; nhóm kiểm soát cấp tín dụng, nhóm không cấp/châm dứt tín dụng

b. Công tác đo lường rủi ro tín dụng

Việc đo lường, đánh giá RRTD đối với KHCN tại ACB ĐN được thực hiện thông qua hệ thống chấm điểm tín dụng nội bộ nhưng do hệ thống xếp hạng tín dụng đối với KHCN hiện chưa hoàn thiện, hoạt động chấm điểm tín dụng đối với KHCN chưa tuân thủ quy trình nên công tác đo lường RRTD tại ACB CN Đà Nẵng hiện đang áp dụng là *sử dụng các tiêu chí đánh giá tình hình quản trị RRTD KHCN*. Các chỉ tiêu để đo lường RRTD đối với KHCN như: Tỷ lệ xấu, tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD, tỷ lệ xóa nợ rỗng.

c. Công tác kiểm soát rủi ro tín dụng

Hiện nay tại ACB CN Đà Nẵng hiện đang sử dụng các công cụ kiểm soát RRTD như sau:

**** Phân tán rủi ro và đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng***

ACB tung ra các sản phẩm tín dụng hấp dẫn, linh hoạt, phù hợp với từng vùng, từng nhóm đối tượng cụ thể, ACB CN Đà Nẵng đã cải thiện tình hình, nâng cao hiệu quả KD với tốc độ nhanh. Phương thức cho vay của ACB nói chung và ACB CN Đà Nẵng nói riêng hiện nay đáp ứng nhu cầu đa dạng của các KHCN trên địa bàn cụ thể như sau:

- Cho vay từng lần
- Cho vay theo hạn mức tín dụng.
- Cho vay theo dự án đầu tư
- Cho vay hợp vốn
- Cho vay trả góp
- Cho vay theo hạn mức thấu chi

- *Cho vay thông qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ tín dụng*

** Kiểm tra, kiểm soát hoạt động tín dụng*

Kiểm tra, kiểm soát nội bộ hoạt động tín dụng là một chức năng quan trọng của phòng kiểm tra, kiểm soát nội bộ mà ACB CN Đà Nẵng được hỗ trợ để phòng ngừa RRTD có thể xảy ra.

Phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ kiểm tra việc tuân thủ chính sách, quy trình nghiệp vụ tín dụng, kiểm tra quá trình lập hồ sơ vay vốn và thẩm định.

** Phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro*

ACB CN Đà Nẵng thực hiện phân loại nợ theo quy định hiện hành của NH Nhà nước. Hiện tại, căn cứ vào quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/04/2005 và quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 22/04/2007 của Thống đốc NH nhà nước, ACB CN Đà Nẵng tiến hành phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD theo phương pháp định lượng.

** Né tránh rủi ro*

Kỹ thuật này được thể hiện khá rõ nét thông qua *CSTD qua từng thời kỳ* của ACB. Mục tiêu chính sách nhằm chọn lọc KH vay vốn, chủ động né tránh RRTD bằng chính sách cấp tín dụng riêng cho từng nhóm KH hoặc từ chối cấp tín dụng.

** Kỹ thuật ngăn ngừa rủi ro tín dụng*

Kỹ thuật này được ACB triển khai áp dụng thông qua quy trình cấp tín dụng chặt chẽ qua nhiều công đoạn xử lý đảm bảo sự minh bạch giữa các bộ phận và quy định thẩm quyền trong phê duyệt tín dụng nhằm ngăn ngừa được những RRTD trong tương lai đối với những KH có nhu cầu vay vốn lớn.

** Kỹ thuật giảm thiểu tổn thất*

ACB ĐN sử dụng kỹ thuật này cơ bản dựa vào tài sản đảm

bảo với phương pháp định giá khoa học nhằm hạn chế thấp nhất sự trượt giá tài sản đảm bảo, nhằm giảm thiểu tổn thất khi xảy ra RRTD.

Quy định về việc mua bảo hiểm cho tài sản đảm bảo và bảo hiểm của khoản vay tại ACB đối với những khách hàng có TSĐB cũng góp phần giảm thiểu được tổn thất khi xảy ra RRTD.

** Chính sách thiết lập giới hạn tín dụng*

ACB ĐN tuân thủ nghiêm các giới hạn tín dụng đối với một KH, nhóm KH liên quan và giới hạn với từng ngành hàng.

Nhìn chung: Công tác kiểm soát RRTD đối với KHCN tại ACB CN Đà Nẵng nhìn chung hiện nay là khá thành công do CSTD tại ACB được thường xuyên cập nhật, thay đổi cho phù hợp với tình hình của nền kinh tế. Quy trình xét cấp tín dụng tại ACB khá chặt chẽ đảm bảo được tính minh bạch trong công tác xét duyệt, bên cạnh đó công tác kiểm tra, kiểm toán thường xuyên được áp dụng tại ACB ĐN cũng góp phần đảm bảo công tác kiểm soát RRTD.

d. Công tác tài trợ rủi ro tín dụng

** Xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay*

Tài sản thế chấp đảm bảo cho đối tượng vay vốn KHCN tại ACB CN Đà Nẵng bao gồm quyền sử dụng đất, nhà ở, xe ô tô và thẻ tiết kiệm...nhưng tài sản thế chấp chủ yếu là quyền sử dụng đất và nhà ở.

** Xử lý rủi ro bằng quỹ dự phòng*

Quy chế sử dụng dự phòng để xử lý RRTD: ACB ĐN đã thực hiện công tác xử lý RRTD từ quỹ dự phòng rủi ro theo quyết định do Hội đồng quản trị ACB ban hành theo quyết định số 1227/NVQĐ-BCS&QLTD.10 ngày 29/11/2010 về việc ban hành quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý RRTD trong hoạt động NH tại ACB.

Nhìn chung: Qua cơ sở lý luận đã nghiên cứu ở chương 1 có thể nhận thấy, các công cụ tài trợ RRTD hiện ACB đang sử dụng còn

rất đơn điệu, chủ yếu vẫn là sử dụng quỹ dự phòng rủi ro được trích lập hàng tháng. Tuy nhiên, xuất phát từ thực tế thị trường tài chính trong nước còn ở giai đoạn sơ khai, việc nghiên cứu áp dụng các công cụ tiên tiến khác còn chưa phổ biến thì đặc thù trên vẫn là tình hình chung của các NHTM hiện nay.

Tóm lại, chất lượng tín dụng của KHCN của ACB ĐN được duy trì và ổn định tốt trong khoảng thời gian tương đối dài cho thấy công tác quản trị RRTD được triển khai tại CN đã phát huy được hiệu quả. Tuy nhiên với tình hình kinh tế vĩ mô bất ổn như hiện nay, nợ xấu phát sinh trong năm 2013 có xu hướng gia tăng đáng kể, ACB ĐN cần nghiên cứu điều chỉnh quy trình quản trị RRTD phù hợp hơn với thực tế nhằm có thể duy trì, nâng cao chất lượng tín dụng của đơn vị mình.

2.2.3. Thực trạng kết quả công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân tại ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng

Bảng 2.12. Nợ xấu – Tỷ lệ nợ xấu tín dụng cá nhân của ACB ĐN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng dư nợ tín dụng	522,542	735,511	777,573
Dư nợ tín dụng cá nhân	94,085	147,102	163,290
Nợ xấu tín dụng cá nhân	105	368	233
Trích lập dự phòng cụ thể	15	42	31
Dư nợ xóa nợ ròng	28	0	0
Tỷ lệ nợ xấu/tổng dư nợ	0.02%	0.05%	0.03%
Tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng cá nhân	0.11%	0.25%	0.14%
Tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD	0.02%	0.03%	0.02%
Tỷ lệ xóa nợ ròng	0.03%	0.00%	0.00%

(Nguồn: Số liệu thống kê của ACB từ 2010 – 2012)

a. Mức giảm tỷ lệ nợ xấu

Nhìn chung dư nợ tín dụng cá nhân tại ACB ĐN vẫn ở mức thấp so với tổng dư nợ của toàn CN.

b. Mức giảm tỷ lệ trích lập dự phòng RRTD

Đối với KHCN tại ACB CN Đà Nẵng, mức trích lập dự phòng để xử lý RRTD là thấp do tỷ lệ nợ xấu chiếm tỷ trọng khá thấp trong tổng dư nợ, điều này cho thấy công tác kiểm soát tín dụng trong quản trị rủi ro tại CN là hiệu quả.

c. Mức giảm tỷ lệ xóa nợ rỗng

Qua bảng 2.12 trên ta thấy, hoạt động tín dụng đối với KHCN của CN là khá hiệu quả, công tác quản trị RRTD đối với KHCN ngày càng được ban lãnh đạo quan tâm nhiều hơn.

d. Trạng thái biến đổi cơ cấu các nhóm nợ

Bảng 2.13. Cơ cấu các nhóm nợ tín dụng cá nhân của ACB ĐN

DVT: triệu đồng

TT	Phân loại rủi ro	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012	
		Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng	Số tiền	Tỷ trọng
1	Đạt tiêu chuẩn	93,500	99,38%	146,411	99,53%	136.638	83,71%
2	Cần chú ý	480	0,51%	323	0,22%	26.374	16,15%
3	Dưới tiêu chuẩn	54	0,06%	232	0,16%	144	0,09%
4	Nghi ngờ	23	0,02%	136	0,09%	89	0,05%
5	Có khả năng mất vốn	28	0,03%	0	0%	0	0%
	Nợ xấu (3+4+5)	105	0,11%	368	0,25%	233	0,14%
	Tổng dư nợ KHCN	94,085	100.00%	147,102	100.00%	163.290	100%

(Nguồn: Số liệu thống kê của ACB từ 2010 – 2012)

Qua bảng trên cũng cho thấy sự cải thiện đáng kể trong công

tác thu hồi nợ, sự kiểm soát chặt chẽ trong tăng trưởng đối với KHCN tại ACB CN Đà Nẵng

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÁU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG

2.3.1. Kết quả đạt được trong công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân

Hệ thống cơ sở vật chất của NH khá tiên tiến tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản trị RRTD, kịp thời nhận diện được các RRTD tiềm ẩn.

Về công tác thẩm định tín dụng được thực hiện đầy đủ, đánh giá đầy đủ những thông tin về KH.

Công tác giám sát rủi ro được tiến hành khá tốt nhờ sự hỗ trợ của nhân sự tại trung tâm thu nợ cá nhân

Phân loại khoản vay và trích dự phòng rủi ro được thực hiện định kỳ thường xuyên theo quy định của NHNN.

Xử lý nợ có vấn đề: Hầu hết các khoản nợ có vấn đề được tiến hành theo trình tự thích hợp, các khoản nợ khó đòi được tổ chức thu triệt để.

Với tất cả những kết quả đạt được trên đây đã làm cho tỷ lệ nợ quá hạn của tín dụng cá nhân tại CN Đà Nẵng trong những năm gần đây luôn giữ mức chấp nhận được.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản trị rủi ro tín dụng đối với khách hàng cá nhân

a. Hạn chế

- *Mô hình chấm điểm xếp hạng tín dụng nội bộ đối với KHCN chưa hoàn thiện:* các tiêu chí đánh giá chưa chi tiết, chưa có hướng dẫn cụ thể cho từng nhóm KH

- *Công tác thu thập thông tin phòng ngừa RRTD chưa cao:*

chưa khai thác sâu được các nguồn thông tin bên ngoài, công tác thu thập thông tin quan hệ tín dụng của KH đối với các NH khác

- *Chất lượng công tác dự báo RRTD chưa tốt.* Cho đến nay CN chưa đảm bảo được yêu cầu xác định khả năng RRTD trước khi cho vay.

- *Công tác giám sát KH, giám sát các khoản vay có vấn đề, công tác xử lý nợ khó đòi chưa hoàn thiện.* Còn một số nhân viên chưa tuân thủ quy định chung, hoạt động kiểm tra chỉ mang tính hình thức

- *Việc sử dụng các biện pháp phân tán rủi ro và công cụ tài trợ RRTD chưa được áp dụng đầy đủ, đa dạng.* Hiện nay đối với nhóm KHCN tại chi nhánh các biện pháp phân tán rủi ro chủ yếu được sử dụng là đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng, việc phân tán rủi ro chưa đa dạng và chưa áp dụng hình thức mua bảo hiểm cho toàn bộ các khoản cấp tín dụng tại CN.

- *Công tác thanh tra, kiểm soát nội bộ chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.* Công tác thanh tra kiểm soát bị hạn chế về thời gian, công tác kiểm soát tại CN bị hạn chế dẫn đến việc kiểm tra đôi khi còn nặng tính hình thức.

- *Công tác xử lý RRTD còn bị động.* Các khoản tín dụng phải hạch toán vào nhóm 5 mới được xử lý. Cung cách xử lý bị động như vậy dễ dẫn đến tích tụ rủi ro một cách nguy hiểm.

- *Công tác thẩm định KHCN chưa đảm bảo.* Một số NVTD tại CN còn non trẻ, thiếu kinh nghiệm về thẩm định tín dụng, việc sử dụng số liệu để thẩm định KH còn do chính bản thân KH cung cấp nên độ tin cậy thấp.

- *Kỹ năng quản trị RRTD của cán bộ chưa thành thạo.* Vì quản trị RRTD là nội dung mới nên cán bộ của NH chưa có kinh nghiệm.

b. Nguyên nhân

b.1. Nguyên nhân bên ngoài

- Thị trường đầu giá và thị trường bất động sản kè phát triển nên việc dùng tài sản thế chấp và thanh lý tài sản để xử lý RRTD của NH gặp rất nhiều khó khăn.

- Tình trạng thông tin không đa dạng, chất lượng thấp và không kịp thời của NH Nhà nước cũng là nguyên nhân làm cho quản trị RRTD ở CN nói chung và quản trị RRTD đối với KHCN nói riêng chưa toàn diện.

b.2. Nguyên nhân bên trong

- Mặc dù đã được quán triệt trong cả NH về yêu cầu quản trị RRTD, nhưng trong thực tế, hoạt động quản trị RRTD KHCN vẫn được xếp sau các hoạt động khác của NH

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản trị RRTD chưa đi vào chiều sâu.

- Sự chỉ đạo của lãnh đạo CN đối với quản trị RRTD cũng chưa thật sự sát sao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Xuất phát từ việc giới thiệu mô hình hoạt động, chương 2 của luận văn phân tích cụ thể tình hình KD giai đoạn 2008 - 2012 của ACB ĐN, đánh giá các thành tựu cũng như đưa ra các mặt hạn chế. Trọng tâm của chương 2 tập trung nghiên cứu quá trình quản trị RRTD đối với KHCN tại ACB ĐN, giới thiệu mô hình quản trị RRTD đang được vận hành tại ACB ĐN. Đồng thời trên cơ sở lý luận đã được đề cập ở chương 1, đề tài phản ánh thực trạng công tác quản trị RRTD đối với KHCN tại ACB ĐN với 4 nội dung cơ bản: Công tác nhận diện – Đo lường - Kiểm soát – Tài trợ RRTD. Nhằm đánh giá được hiệu quả công tác quản trị RRTD, đề tài đi sâu đánh giá thực trạng RRTD tại ACB ĐN, qua đó chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân còn tồn tại trong công tác quản trị RRTD.

CHƯƠNG 3**GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO
TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU
CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG****3.1. CÁC CĂN CỨ CỦA GIẢI PHÁP**

3.1.1. Dự báo xu hướng kinh tế và hoạt động ngân hàng thời gian tới

3.1.2. Định hướng hoạt động của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng giai đoạn 2010-2015 và tầm nhìn đến 2020

a. Định hướng phát triển của ACB Đà Nẵng

b. Nhiệm vụ phát triển của ACB Đà Nẵng giai đoạn 2010 – 2015 và tầm nhìn đến năm 2020

3.1.3. Mục tiêu quản trị rủi ro tín dụng khách hàng cá nhân của ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Đà Nẵng trong thời gian tới

3.2. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN TRỊ RỦI RO TÍN DỤNG ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN Á CHÂU – CHI NHÁNH ĐÀ NẴNG**3.2.1. Hoàn thiện nội dung công tác xếp hạng tín dụng**

- Đưa ra cụ thể các tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất, cụ thể hơn để đánh giá, xếp hạng tín dụng nội bộ

- Việc chấm điểm tín dụng phải được NVTD thường xuyên theo sát KH để nắm được tình hình tài chính, tình hình sức khỏe, năng lực, giá trị TSDB...

- Cần tiếp tục đề xuất hoàn thiện hệ thống phân nhóm khách hàng nội bộ đối với KHCN tại ACB theo hướng nghiên cứu

3.2.2. Tăng cường khai thác và nâng cao chất lượng công tác thu thập, xử lý thông tin

- ACB ĐN cần thiết nên lập thêm các mối liên hệ với các tổ chức, dịch vụ cung cấp thông tin khác để có thể khai thác các thông tin

- Chủ động tiếp cận KH, tìm hiểu về KH trên cơ sở phân tích thị trường, thị phần.

- ACB ĐN chủ động phối hợp cùng NHNN Đà Nẵng với vai trò là đầu mối, thực hiện kết nối kho thông tin dữ liệu giữa các NHTM.

3.2.3. Hoàn thiện công tác giám sát khách hàng, giám sát các khoản vay có vấn đề, công tác xử lý nợ khó đòi

a. Công tác giám sát khách hàng

- Quy định chặt chẽ yêu cầu NVTD phải tuân thủ đầy đủ quy trình kiểm tra trước, trong và đặc biệt là sau khi cho vay, nhất là các khoản vay có khả năng xảy ra rủi ro.

- Tăng cường việc viếng thăm và kiểm soát địa điểm hoạt động KD của KH

b. Đối với các khoản vay có vấn đề

Ngay khi phát hiện khoản vay có vấn đề, NVTD phải kiểm tra hồ sơ khoản vay để tìm kiếm cơ hội để bổ sung tài sản đảm bảo. Sau đó, NH nên gặp gỡ KH để tìm kiếm giải pháp và tư vấn cho KH tháo gỡ khó khăn

c. Đối với các khoản nợ khó đòi

Xử lý các tài sản đảm bảo tiền vay: Khi KH không có khả năng trả nợ như dự kiến, NH cần tiến hành bán tài sản đảm bảo nợ vay để thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm.

Bán nợ: NH nên cố gắng tìm kiếm KH để bán lại các khoản nợ có vấn đề với một tỉ lệ thích hợp.

Khởi kiện: NH nên chủ động tiến hành các thủ tục khởi kiện ra tòa đối với các khoản vay khó đòi, các khoản nợ tồn đọng sau khi đã áp dụng các biện pháp tổ chức khai thác, xử lý tài sản thế chấp nhưng không thu hồi được nợ

Xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro của NH: Trong trường hợp cần thiết, ACB CN Đà Nẵng phải chủ động dùng nguồn của chính mình để bù đắp rủi ro trong hoạt động KD.

3.2.4. Thực hiện các biện pháp phân tán rủi ro, trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro

Về biện pháp phân tán rủi ro: ACB CN Đà Nẵng nên chú trọng các giải pháp phân tán RRTD sau:

- Đa dạng hóa đối tượng đầu tư: Để thực hiện đa dạng hóa đối tượng đầu tư, chiến lược KD của ACB CN Đà Nẵng cần được xây dựng theo hướng:

Đa dạng hóa sản phẩm qua việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ thẻ thanh toán

Đầu tư vào nhiều đối tượng SXKD nhiều loại hàng hóa khác nhau, tránh tập trung cho vay sản xuất một số loại sản phẩm

Tránh cho vay quá nhiều đối với một KH

Cho vay với nhiều loại thời hạn khác nhau

- Bảo hiểm tín dụng:

Khuyến nghị KH vay vốn tín dụng tham gia mua bảo hiểm

Yêu cầu khách hàng mua bảo hiểm tài sản đảm bảo tiền vay, coi đó như điều kiện bắt buộc để được vay tín dụng.

Về biện pháp trích lập và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro:

CN cần tăng cường chỉ đạo NVTD phát hiện sớm các khoản nợ có vấn đề, đánh giá đúng mức độ rủi ro của các khoản nợ có thể chuyển sang nợ xấu làm cơ sở cho việc trích dự phòng và xử lý rủi ro.

3.2.5. Tăng cường công tác thanh tra kiểm soát nội bộ

- Đảm bảo ít nhất trong năm CN phải được kiểm tra 1 lần toàn diện về công tác tín dụng của bộ phận kiểm toán tại hội sở, ngoài những đợt kiểm tra đột xuất
- Kiểm tra, kiểm soát phải gắn với việc sửa sai
- Tại ACB CN Đà Nẵng nên thành lập những phòng ban riêng thực hiện chức năng quản lý RRTD

3.2.6. Hoàn thiện công tác quản lý và đào tạo đội ngũ nhân viên trong công tác quản trị rủi ro

Trong thời gian tới, ACB CN Đà Nẵng nên chú trọng hơn đến công tác đào tạo. NH nên thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình tập huấn, hội thảo do ACB CN Đà Nẵng và trung tâm đào tạo của NH tổ chức...

Xây dựng và triển khai hiệu quả các khóa đào tạo lại

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.3.1. Đối với ngân hàng Á Châu

Cần cần trọng trong việc quyết định cho vay, nhất là đối với KH mới.

Việc mở rộng mạng lưới nên đi đôi với khả năng quản lý, nhất là quản lý RRTD.

Thường xuyên rà soát những sơ hở trong quy trình cho vay, bao gồm cả quy trình ban hành và việc tuân thủ cả quy trình ở tất cả các cấp NH.

Cần thiết lập một bộ phận chuyên nghiên cứu với các chuyên gia giàu kinh nghiệm đưa ra các CSTD hợp lý để làm định hướng cho hoạt động tín dụng, chiến lược quản lý RRTD, chiến lược KH.

3.3.2. Kiến nghị đối với chính phủ

Cần hoàn thiện các quy định về cơ sở pháp lý và vấn đề xử lý tài sản thế chấp:

Quy định về cơ sở pháp lý, xử lý tài sản bảo đảm là một trong những điều hết sức cần thiết hiện nay đối với các NH nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động cho vay. Chính phủ cần sớm có

+ Các quy định chi tiết về vấn đề đấu giá tài sản

+ Chính phủ và các bộ ngành chỉ đạo chính quyền các cấp đẩy nhanh hơn nữa tiến độ hoàn thiện hồ sơ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

+ Mở rộng nghiệp vụ mua bán nợ và phát triển, xã hội hóa thị trường mua bán nợ.

3.2.3. Kiến nghị đối với ngân hàng Nhà Nước

- Nâng cao hơn nữa chất lượng thông tin tại trung tâm thông tin tín dụng của NHNN nhằm đáp ứng yêu cầu thông tin đầy đủ, cập nhật về KH.

Tăng cường vai trò quản lý của NHNN đối với hoạt động tín dụng và quản lý RRTD của các NHTM, tăng cường hiệu quả thanh tra, kiểm soát nhằm hạn chế, phòng ngừa RRTD mang tính hệ thống trong các NHTM.

Hiện nay, mỗi NHTM xây dựng riêng cho mình một hệ thống chấm điểm tín dụng và xếp loại KH riêng nên để khai thác tin có hiệu quả, đánh giá KH chính xác, NHNN cần xây dựng hệ thống tính điểm và xếp hạng KH thống nhất trong toàn ngành. Việc tham khảo tin của các NH sẽ thuận lợi hơn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Có thể nói rằng QTRR trọng hoạt động tín dụng có ý nghĩa quan trọng đối với các NHTM Việt Nam nói chung và ngân hàng Á Châu CN – Đà Nẵng nói riêng hiện nay. Hiệu quả KD của NH sẽ tùy thuộc đáng kể vào năng lực QTRR, chính vì thế chương 3 đã đề xuất một số giải pháp và kiến nghị nhằm nâng cao khả năng quản trị

RRTD của ngân hàng Á Châu CN – Đà Nẵng, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của NH Á Châu – CN Đà Nẵng trong giai đoạn kinh tế khủng hoảng như hiện nay.

KẾT LUẬN

Cùng với những khó khăn của nền kinh tế và cuộc khủng hoảng tài chính trên phạm vi toàn cầu, chất lượng tín dụng của ACB nói chung và ACB ĐN nói riêng đang có những dấu hiệu giảm sút. Do đó nâng cao chất lượng tín dụng thông qua hoàn thiện công tác quản trị RRTD là nhiệm vụ hàng đầu của ACB ĐN trong giai đoạn hiện nay. Dựa trên những cơ sở lý luận về RRTD và quản trị RRTD, đề tài đi sâu nghiên cứu thực trạng và nguyên nhân RRTD cũng như công tác quản trị RRTD tại ACB ĐN, chỉ ra những mặt còn hạn chế cần khắc phục. Từ đó, tác giả đã mạnh dạn đưa ra những giải pháp cụ thể để nâng cao chất lượng quản trị RRTD trên cơ sở những quan điểm định hướng và mục tiêu trong giai đoạn phát triển sắp tới. Một số giải pháp nằm ngoài tầm quyết định của ACB ĐN, tác giả đã đề xuất và kiến nghị ACB, NH Nhà nước Việt Nam và Chính phủ để hỗ trợ cho sự tăng trưởng tín dụng bền vững. Còn khá nhiều vấn đề vẫn chưa thể đi sâu như: Chất lượng nền khách hàng, chất lượng từng sản phẩm tín dụng, lĩnh vực tài trợ; năng lực quản trị rủi ro của đội ngũ nhân lực...

Do đó, còn khá nhiều nội dung nghiên cứu mà đề tài này có thể tiếp tục triển khai nghiên cứu một cách chi tiết và sát với yêu cầu của thực tiễn hơn như: Nghiên cứu sâu vào quản trị RRTD đối với từng loại sản phẩm tín dụng cụ thể, hoặc từng nhóm đối tượng khách hàng; Tiếp tục phát triển các nội dung này bằng những nghiên cứu đầy đủ, cụ thể và hệ thống qua các đề tài khoa học cụ thể khác sẽ tạo cơ sở vững chắc hơn cho việc xây dựng phương án nâng cao hiệu quả quản lý, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và quá trình quản trị RRTD tại đơn vị.